

NGUYỄN HỨA

MỘT NHÀ KỸ THUẬT TÀI NĂNG

■ Nguyễn Tâm Cẩn

Hội Văn nghệ dân gian Nghệ An



Nguyễn Hứa (1904-1980)

Ông Nguyễn Hứa (1904-1980) là con trai thứ năm trong một gia đình có đến 11 người con ở làng Yên Nhân, tổng Quan Trung, nay thuộc xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Cha ông là cụ Tú tài Nguyễn Thắng (1865-1924), người đã tham gia cuộc khởi nghĩa Đền Thông do Nguyễn Xuân Ôn - Lê Doãn Nhã lãnh đạo. Nhưng sau hơn hai năm bị sốt rét, sức

khỏe yếu, ông Thắng phải trở về quê nhà điều trị. Mẹ ông là bà Trần Thị Ái, con gái cụ cử nhân Trần Đăng (Quang) Diệm (1848-1907) ở làng Bút Trận, xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu. Năm 1885, ông Diệm đang làm Huấn đạo huyện Thanh Chương, đã cùng cụ nghệ Nguyễn Xuân Ôn và một số sĩ phu yêu nước hưởng ứng chiếu Cần vương chiêu mộ nghĩa binh khởi nghĩa chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa đã gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Theo *Lịch sử Nghệ Tĩnh tập I*, tháng 7 năm 1887, sau khi cụ Nghè Ôn bị thương và bị bắt, ông Diệm vẫn chỉ huy một bộ phận nghĩa quân kéo lên vùng lên núi Tân Kỳ, phối hợp với các cánh quân khác, tiếp tục chiến đấu cho đến năm 1891. Trong *Gia phả họ Nguyễn Thọ* có ghi lại chi tiết: trong thời gian này bọn thực dân và triều đình Huế đã cử quan Khâm mạng Vương Quy Chánh về yêu cầu ông Thắng viết thư khuyên bố vợ đầu hàng với lời hứa sẽ được khoan hồng, nhưng ông đã một mực từ chối. Rồi đến tháng 10/1889, cụ Nghè Ôn mất, quan tài đang ở Vinh, là người có uy tín trong vùng, ông Thắng đã đứng ra tập hợp nhân dân rước Cụ Nghè về an táng tại quê nhà.

Sớm nhận ra trí tuệ và năng khiếu của người con trai, ông bà cụ Tú đã cho con đi học chữ Hán khá sớm và ông Hứa đã không phụ lòng cha mẹ. Trong một vài lần vào Vinh, được tiếp xúc với bạn bè và những người quen biết, ông về bàn với vợ gửi con vào Vinh theo học trường Pháp - Việt. Nhà đông con, điều kiện

kinh tế không phải là giàu có, việc chu cấp cho con ăn học ở thành phố cũng gặp khó khăn, nhưng nhờ tin vào tương lai của con cùng với sự giúp đỡ, động viên của anh em bạn bè, cuối cùng ông cũng đã vượt qua được. Với kết quả học tập giỏi, nhất là toán, tiếng Pháp và năng khiếu thực hành đồ họa, ông Hứa được chọn cử vào đào tạo tại trường Bá Công ở Huế (một dạng trường Bách nghệ thực hành, cả nước lúc đó mới chỉ có vài ba trường - theo cố PGS Ninh Viết Giao). Là học sinh năm trong tốp đầu của khóa học, tốt nghiệp ra trường khi mới hơn 20 tuổi, ông được mời tham gia các đoàn khảo sát, thiết kế, xây dựng một số công trình ở Tuy Hòa, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết, Lâm Đồng. Vốn tiếp thu nhanh, ham tìm tòi hiểu biết, lại được làm việc bên cạnh các kỹ sư đàn anh người Việt và người Pháp, qua thực tế, ông đã trưởng thành nhanh chóng.

Năm 1930, ông được điều về tham gia khảo sát và xây dựng hệ thống thủy nông Đò Lương, Nghệ An. Được trở về đóng góp công sức cho một công trình trên quê hương, ông rất phấn khởi và đã làm việc hết sức mình để góp phần sớm đưa hệ thống vào phục vụ nhân dân. Đây là một công trình thủy nông quan trọng với diện tích tưới trên 32.000ha, kênh chính dài 59km, kênh nhánh dài hơn 190km cùng 1.168 cầu cống dẫn nước, thoát nước có tác dụng rất to lớn đối với các huyện Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Đò Lương. Công trình được khảo sát địa chất, thủy văn công phu và đã được các nhà thiết kế người Pháp làm rất chu đáo, qua nhiều công đoạn, để chọn ra phương án tối ưu. Tuy nhiên, với quy mô rộng lớn và điều kiện địa chất phức tạp nên trong quá trình tiến hành đã gặp không ít những tình huống phát sinh. Chẳng hạn như khi thông cống Tuy nen xong, theo lòng kênh xuống mấy trăm mét lại gặp một lèn đá ngầm phải mất nhiều thời gian mới phá được hay như việc xây cống Vũng Bùn lại gặp phải đầm lầy...

Rồi trong quá trình xây dựng cũng có rất nhiều chuyện còn được lưu truyền đến ngày nay. Chẳng hạn theo các cụ đã từng làm phu kể lại thì khi đào cống Tuy nen xuyên qua một quả đồi dài hơn nửa cây số từ hai phía tiến vào, đến lúc gặp nhau, lòng cống rộng như vậy nhưng sự sai lệch chỉ là trong gang tấc. Hay như việc chỉ huy đổ đất cũng rất khoa học: gần như mọi thúng

đất được đội từ dưới đáy cống lên đều đổ đúng vị trí (nghe nói bọn cai thầu trả tiền từng thúng một, ai đổ đúng vị trí mới được nhận tiền). Rồi khi đắp đê nông giang cũng như các kênh mương dẫn nước yêu cầu phải dùng đất tươi nhỏ, đầm đất phải xoáy và kỹ càng, nếu bơm khói vào còn có chỗ thoát ra thì chủ thầu sẽ không nghiệm thu, không trả tiền và phải làm lại từ đầu. Cát đá dùng để đúc bê tông và xây dựng phải thật sạch, rồi sắt thép cũng phải cạo sạch những vết gỉ... và nhiều ví dụ khác nữa. Điều cần nói thêm là với cương vị nhà kỹ thuật lại giỏi tiếng Pháp, trong quá trình tham gia chỉ huy thi công, ông đã nhiều lần bênh vực và hòa giải thành công những mâu thuẫn cãi vã giữa phu làm với lính và các cai thầu người Pháp theo hướng có lợi cho người dân mình.

Giữa năm 1937, khi hệ thống các kênh mương dẫn nước tỏa ra các cánh đồng khô hạn, người dân đổ ra đồng đón dòng nước mát, mọi người đã hết sức phấn khởi. Thầy đồ Nguyễn Tâm Thông, thường gọi là Cồ Giải ở xã Liên Thành, huyện Yên Thành (anh con bác vợ ông Hứa) trong bài thơ “Vịnh đê nông giang” dự thi và đạt giải đã nói lên nỗi vui mừng của người dân:

*“Ai đắp ai đào mấy ngọn sông?
Làm cho ích lợi khắp nhà nông
Đất phơi ngàn mẫu phau phau trắng,
Nước chảy trăm dòng lẻo lẻo trong,
Cả hóa không cần tơ tưởng mộng,
Ròng phun lọ phải khát khao trông
Nhờ ơn Hà Hải xoay trời lại
Rõ mặt nông dân đất Lạc Hồng”.*

Những năm sau đó, ông tham gia khảo sát thiết kế một số công trình ở Đà Nẵng, Đắc Lắc, Khánh Hòa và có thời gian sang cả Campuchia. Sau toàn quốc kháng chiến, lên làm việc tại căn cứ Đồng Trăng, một vùng tự do thuộc các huyện miền núi tỉnh

Khánh Hòa, ông đã động viên con trai cả là Nguyễn Nhơn và người em con chú là Nguyễn Thơ gia nhập quân đội. Cả hai anh về sau đều đã hy sinh anh dũng và là liệt sĩ chống Pháp. Riêng Nguyễn Nhơn, người nói tiếng Pháp khá sõi, được tổ chức phân công hoạt động trong vùng địch tạm chiếm. Anh bị bắt giam mấy lần nhưng vẫn kiên trung bất khuất, cuối cùng bị giặc xử bắn tại Châu Đốc.

Sau năm 1950 khi tuổi nghề đã khá cao, ông được giao làm chủ một số công trình xây dựng ở miền Trung. Chẳng hạn như năm 1953 là chủ công trình xây nhà thờ Tin lành ở Nha Trang. Rồi đường lên Đà Lạt đi từ Phan Rang phải qua đèo Ngoạn Mục với độ dốc lớn, đường sá quanh co gấp khúc rất nguy hiểm và đã xảy ra nhiều tai nạn thương tâm. Trước tình cảnh đó, năm 1957, chính quyền lúc bấy giờ đã có dự án xây dựng đường tắt từ Nha Trang đi lên. Ông được giao phụ trách đội khảo sát và thiết kế con đường này. Nhưng khi công việc được làm xong thì điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính lúc bấy giờ chưa cho phép khởi công nên phải đình lại. Sau đó là thời gian khảo sát thiết kế các tuyến đường ở Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc... Một số tư liệu và các bức ảnh chụp lúc này còn giữ được cho thấy đoàn khảo sát do ông phụ trách đã được tiểu đội lính dưới sự chỉ huy của một viên sĩ quan đi theo bảo vệ và phục vụ, nhiều đoạn đường ông phải cưỡi ngựa.

Năm 1970, khi tuổi đã cao trở về Nha Trang, quê hương thứ hai, ông đã thiết kế và trực tiếp chỉ đạo xây dựng chợ Đầm, một chợ lớn và đẹp nhất thành phố trong một thời gian dài. Chợ được xây dựng trên một vùng đầm lầy với điều kiện địa chất rất phức tạp nhưng đã hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao. Theo lời ông kể lại với con cháu, thì khi công trình này hoàn thành, ông đã được thưởng một số tiền lớn

đủ xây một ngôi nhà ở. Điều đáng nói là cho đến nay, các đình chợ được thiết kế theo kiểu mái vòm vẫn giữ nguyên vẻ đẹp và trải qua một thời gian dài không hề phải tu sửa lại.

Về bản thân, ông là người theo đạo Tin lành và thường lấy những câu tục ngữ, những câu châm ngôn để răn dạy con cháu. Người ta hay nhắc đến ông là người nhân từ, cẩn thận hăng say công việc, rất coi trọng chữ tín, quan tâm đến thế hệ trẻ và giàu lòng thương yêu giúp đỡ kẻ nghèo khó. Chẳng hạn năm 1945, nghe tin ở quê nhà bị nạn đói, ông phải ngừng công việc, mượn thêm tiền, nhờ người mua mấy tạ gạo rồi theo tàu chở về phân phát cứu đói cho anh em và nhân dân xóm làng. Những năm cuối đời, ông dành thời gian dịch gia phả cho họ Nguyễn Thọ và chăm sóc việc học hành của con cháu. Nhiều đồng nghiệp lớp sau vẫn thường qua lại thăm ông và trong các vấn đề nêu ra đã được ông góp ý, hướng dẫn rất tận tình, chu đáo.

Như vậy, ngoài một số công trình phụ trách hoặc tham gia như hệ thống thủy nông Đô Lương, nhà thờ Tin lành Nha Trang, chợ Đầm Nha Trang..., ông còn có đóng góp đáng kể trong việc khảo sát, thiết kế và xây dựng một số tuyến đường, cầu cống... quan trọng trên địa bàn nhiều tỉnh thành. Với gần 50 năm làm việc không biết mệt mỏi, ông Nguyễn Hứa đã để lại dấu ấn sâu đậm của một nhà kỹ thuật tài năng trên nhiều công trình xây dựng. Chúng ta sẽ mãi mãi ghi nhớ và biết ơn những con người đã đổ mồ hôi, công sức và trí tuệ vì sự đi lên của đất nước trong thời kỳ còn vô vàn khó khăn, gian khổ./.

Tài liệu tham khảo:

1. Gia phả chi 2 họ Nguyễn Thọ làng Yên Nhân, xã Nhân Thành do ông Nguyễn Thọ Biên biên soạn năm 2002.
2. Sách: *280 giai thoại về con người và vùng đất Yên Thành*, Nxb Đại học Vinh, năm 2020.
3. Sách: *Nguồn sáng dân gian làng Yên Nhân*, Nxb Đại học Vinh, năm 2020.
4. Còn sách *Từ điển nhân vật Xứ Nghệ* thì Cố PGS Ninh Viết Giao khi còn sống có ý định đưa nhân vật Nguyễn Hứa vào khi tái bản vì theo cụ các nhà khoa bảng hay các nhà hoạt động cách mạng thì nhiều còn tìm được một nhà kỹ thuật trước đây là rất khó.